

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 11-9-2019
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thanh Thảo

Ông Vũ Hoàng Linh

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Lực - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Cao Thanh Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 25/2019/HNGĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 09/2019/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXPT-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị M, sinh năm: 1990; Hộ khẩu thường trú: Số nhà 34, hẻm H, đường D, khu phố 1, phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; Hiện cư trú tại: Số nhà 189/73, khu phố A, đường L, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư H, thành viên Công ty Luật hợp danh L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Lương Ngọc K, sinh năm: 1991; Hộ khẩu thường trú: Tổ 4, ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Hiện đang cư trú: Đường ĐX, khu phố 6, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị M trình bày:**

Chị M và anh Lương Ngọc K sống với nhau từ năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng sống và làm việc tại phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường cãi vã, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2018 đến nay. Nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên xin được ly hôn với anh Lương Ngọc K để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị M và anh K sống với nhau có 01 con chung là cháu Lương A, sinh ngày 03/4/2016. Nay ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, trước đây chị có yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Nay chị rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con vì chị đủ điều kiện nuôi con. Hiện chị đang làm việc tại Công ty V, thu nhập bình quân hàng tháng 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng).

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

*** Quá trình giải quyết vụ án anh Lương Ngọc K trình bày:**

Anh K thống nhất với trình bày của chị M về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị M thay đổi tình cảm, vợ chồng thường cãi vã nên sống ly thân từ tháng 11/2018 đến nay. Nay anh K cũng nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chị M yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh K thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Lương A, sinh ngày 03/4/2016. Nay ly hôn, anh không đồng ý giao con cho chị M nuôi, anh yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con, vì hiện nay anh đang làm việc tại công ty TNHH 3A, có thu nhập bình quân 15.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi con. Ngoài ra trong thời gian vợ chồng còn chung sống đến nay con chung đều ở chung với cha mẹ của anh và anh, từ khi vợ chồng sống ly thân, chị M ít về thăm con nên cháu Lương A rất mến ông, bà do đó để ổn định tâm lý, cuộc sống của con chung, anh yêu cầu Tòa án tiếp tục giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Để chứng minh điều kiện nuôi con của mình, anh K đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: 01 đơn xin xác nhận nơi học của con đề ngày 24/3/2019 (bản chính); 01 đơn xin xác nhận về việc đang nuôi con đề ngày 25/3/2019 (bản chính); 01 hợp đồng lao động của anh Lương Ngọc K đề ngày 01/10/2018 (bản

chính); 01 sao kê tài khoản khách hàng tên Lương Ngọc K (bản photo có đóng dấu treo của Ngân hàng TMCP Đầu tư - Phát triển chi nhánh BD).

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 09/2019/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 264, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị M.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị M và anh Lương Ngọc K.

- Về con chung: Giao con chung tên Lương A, sinh ngày: 03/4/2016 cho anh Lương Ngọc K trực tiếp nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh K không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và các chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, chị Hoàng Thị M kháng cáo một phần Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 09/2019/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C với lý do: Quyết định của Bản án sơ thẩm không khách quan, không đúng với thực tế làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị. Chị đề nghị TAND tỉnh Bình Phước xem xét sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của chị đối với quyền được trực tiếp nuôi con là cháu Lương A, sinh ngày 03/4/2016.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của chị đối với quyền được trực tiếp nuôi con chung tên Lương A, sinh ngày 03/4/2016.

Anh K cung cấp đơn xác nhận tạm trú và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh K cho rằng hiện tại anh có công việc, thu nhập hàng tháng và nơi ở ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung.

Hiện tại anh đang sinh sống tại đường DX, khu phố 6, phường T, Thành phố M, tỉnh Bình Dương và là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, mẹ anh là bà Vũ Thị B đang trực tiếp hỗ trợ cho anh trong việc chăm sóc nuôi dưỡng bé Lương A.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS 2015 không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Hoàng Thị M, giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 09/2019/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn chị Hoàng Thị M làm trong thời gian luật định, phù hợp với Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của chị M thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp thì chị M hiện đang làm việc tại Công ty V Bình Dương, thu nhập bình quân hàng tháng 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng). Anh K hiện đang làm việc tại Công ty TNHH 3A, tỉnh Bình Dương, thu nhập bình quân 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), hiện anh K có nhà riêng tọa lạc tại địa chỉ đường ĐX, khu phố 6, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Như vậy xét về điều kiện kinh tế, cả chị M và anh K đều có công việc và thu nhập ổn định để nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay và căn cứ vào lời khai của chị M và anh K đều thống nhất kể từ khi con chung được 10 tháng tuổi thì vợ chồng đã gửi con về cho bố mẹ của anh K tại ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước nuôi dưỡng và chăm sóc, cuối tuần thì vợ chồng mới về thăm nom con chung. Thời gian từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay chị M không về thăm con. Hơn nữa biên bản xác minh tại chính quyền địa phương (BL 89) xác định con chung của anh K và chị M là cháu Lương A hiện đang sống chung với cha mẹ của anh K tại tổ 4, ấp 1, xã M từ trước đến nay vẫn đảm bảo điều kiện phát triển bình thường của cháu Lương A. Từ tháng 6 năm 2019 đến nay thì anh K đưa cháu A về sinh sống cùng anh tại địa chỉ đường ĐX, khu phố 6, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương, bà Vũ Thị B mẹ ruột của anh hằng ngày hỗ trợ cho anh trong việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu A.

Trong khi đó, chị M lại không trực tiếp nuôi cháu A từ khi cháu mới 10 tháng tuổi và từ đầu năm 2019 thì chị M cũng không về thăm nom con chung, hiện tại cháu A đã quen với điều kiện, môi trường sống, được cha mẹ của anh K và anh K nuôi dưỡng, chăm sóc trong điều kiện tốt nhất. Nếu giao cháu A cho chị M nuôi dưỡng sẽ gây sự xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu. Do đó để ổn định tâm lý, cuộc sống của con chung, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp về mọi mặt của cháu A cần tiếp tục giao cháu A cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do vậy, kháng cáo của chị M không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Án phí: Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn chị Hoàng Thị M phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị Hoàng Thị M.
2. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 09/2019/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị M.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị M và anh Lương Ngọc K.

- Về con chung: Giao con chung tên Lương A, sinh ngày: 03/4/2016 cho anh Lương Ngọc K trực tiếp nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh K không yêu cầu nên không đặt ra nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích tốt nhất về mọi mặt của con chung, chị M, anh K có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Hoàng Thị M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0009879 ngày 25/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bình Phước.

4. Về án phí phúc thẩm: Chị Hoàng Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân phúc thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0003624 ngày 19/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bình Phước.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa GD & NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nga